



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN**  
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN**  
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

---

Tháng 2 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN

270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lý Chí Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đắc Thọ	Thành viên
Bà Phan Thị Thanh Sâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Liễu	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Minh Đôn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Đôn – Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN**

270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO) :**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Đoàn Minh Đôn*  
Đoàn Minh Đôn  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2020

Số: 011 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải thu, nợ phải trả nhưng chưa đầy đủ, cụ thể như sau: Phải thu khách hàng chưa được xác nhận là 13.012.039.251 VND (chiếm 18,12%), Phải trả người bán là 1.569.305.122 VND (chiếm 3,80%), Người mua trả tiền trước là 1.158.803.874 VND (chiếm 88,57%), Phải trả ngắn hạn khác là 12.709.862.794 VND (chiếm 78,45%), Trả trước cho người bán là 289.797.000 VND (chiếm 45,07%). Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện, nhưng chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá về sự hiện hữu và đầy đủ của các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2019 chưa nhận được thư xác nhận nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,  
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (84-24) 3577 0781  
Fax: (84-24) 3577 0782

**Văn phòng Đồng Nai**

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Tel : (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel : (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong tổng số 6.830.921.740 VND tiền thuê đất bị truy thu của các năm từ 2006 đến 2014, Công ty đã hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 là 2.617.575.000 VND và năm 2019 là 1.595.771.740 VND thay vì điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính của các năm có liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố, chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2018 và năm 2019 giảm đi lần lượt là 2.617.575.000 VND và 1.595.771.740 VND, đồng thời, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chỉ tiêu chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 đều giảm đi 1.595.771.740 VND.

Trong năm 2019, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT - Net) với số tiền lần lượt là 10.859.360.212 VND và 9.963.046.433 VND, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá về tính chính xác và phát sinh của khoản doanh thu và giá vốn nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### *Vấn đề khác*

Công ty đã hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 23/12/2003, tuy nhiên cho đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Biên bản bàn giao chính thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Công ty đang tạm ghi nhận số liệu theo sổ sách tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.



**Lê Xuân Thăng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

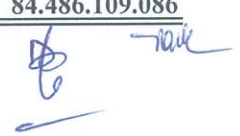
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2020

**Nguyễn Ngọc Thạch**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110.549.812.022</b>	<b>77.572.466.837</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>13.388.085.503</b>	<b>19.106.593.751</b>
1. Tiền	111		2.888.085.503	2.606.593.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	16.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.500.000.000	1.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.493.310.011</b>	<b>52.394.986.706</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	71.801.608.205	43.864.942.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		643.021.000	384.497.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.368.113.671	8.464.980.129
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(319.432.865)	(319.432.865)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>3.939.391.612</b>	<b>2.974.114.640</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.130.138.084	3.164.861.112
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(190.746.472)	(190.746.472)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>229.024.896</b>	<b>1.596.771.740</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	223.073.250	1.595.771.740
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.951.646	1.000.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.589.072.715</b>	<b>6.913.642.249</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.999.640.772</b>	<b>4.657.801.817</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.999.640.772	4.657.801.817
- Nguyên giá	222		21.290.330.184	18.847.231.723
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.290.689.412)	(14.189.429.906)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>2.058.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.058.000.000	3.058.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>531.431.943</b>	<b>197.840.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	333.591.511	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	197.840.432	197.840.432
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>119.138.884.737</b>	<b>84.486.109.086</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71.941.785.385</b>	<b>38.299.286.951</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.441.220.520</b>	<b>37.611.987.067</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.331.175.009	15.417.011.080
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.308.418.850	1.387.866.326
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	3.096.935.860	1.556.348.537
4. Phải trả người lao động	314		1.584.765.125	1.307.483.293
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.711.263.422	320.550.803
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		595.400.000	585.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.200.463.068	16.810.611.068
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		612.799.186	227.115.960
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.500.564.865</b>	<b>687.299.884</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.500.564.865	687.299.884
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.197.099.352</b>	<b>46.186.822.135</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>47.197.099.352</b>	<b>46.186.822.135</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.545.008.788	23.545.008.788
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		197.116.026	197.116.026
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.454.974.538	4.444.697.321
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		664.714.095	394.474.033
- LNST chưa phân phối năm này	421b		4.790.260.443	4.050.223.288
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>119.138.884.737</b>	<b>84.486.109.086</b>



Đoàn Minh Đôn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 02 năm 2020

*huynh*

Huỳnh Ngọc Thu  
Kế toán trưởng / Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	122.417.329.364	97.712.403.516
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	10		122.417.329.364	97.712.403.516
3. Giá vốn hàng bán	11	23	98.559.029.754	77.295.349.447
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		23.858.299.610	20.417.054.069
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.518.781.754	1.919.360.482
6. Chi phí tài chính	22		5.972.969	(980.000.000)
7. Chi phí bán hàng	25	26	10.791.104.848	11.364.465.696
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.008.550.352	6.598.108.934
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.571.453.195	5.353.839.921
10. Thu nhập khác	31	27	504.121.340	150.390.910
11. Chi phí khác	32		46.178.642	322.351.401
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		457.942.698	(171.960.491)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.029.395.893	5.181.879.430
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.239.135.450	935.656.142
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	196.000.000
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		4.790.260.443	4.050.223.288
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.661	1.800



Đoàn Minh Đôn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 02 năm 2020

Huỳnh Ngọc Thu  
Kế toán trưởng / Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	106.449.318.119	111.311.442.499
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(75.143.805.062)	(85.835.369.285)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.889.938.514)	(6.244.339.578)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(442.589.216)	(1.168.861.252)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	156.628.278.461	188.134.498.101
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(180.626.078.675)	(219.228.493.639)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>975.185.113</b>	<b>(13.031.123.154)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.328.265.590)	(635.520.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	150.390.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.966.720.000)	(23.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.966.720.000	26.619.820.850
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.579.921.698	1.468.149.965
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.748.343.892)</b>	<b>4.602.841.725</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.939.376.500)	(2.047.582.138)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.939.376.500)</b>	<b>(2.047.582.138)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.712.535.279)</b>	<b>(10.475.863.567)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>19.106.593.751</b>	<b>29.579.748.261</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.972.969)	2.709.057
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>13.388.085.503</b>	<b>19.106.593.751</b>

TH  
TR  
PH



**Đoàn Minh Đôn**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 02 năm 2020

*Handwritten signature in blue ink.*

**Huyền Ngọc Thu**  
Kế toán trưởng / Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vật tư Bưu điện 2 theo Quyết định số 344/QĐ-BBCVT ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300464683 (số cũ 4103001997) đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 38 người (ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 40 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

- Xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Mua bán các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Tư vấn kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, hướng dẫn vận hành thiết bị, vật tư do công ty cung cấp hoặc theo yêu cầu của khách hàng;
- Cho thuê máy móc thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ: internet (ISP), kết nối internet (IXP), ứng dụng internet (OIP);
- Sản xuất, lắp ráp vật tư thiết bị ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giữ xe;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất và gia công phần mềm.

#### **Hoạt động chính của Công ty là**


- Mua bán các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giữ xe;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki-ốt;

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh miền Nam Công ty Cổ phần Vật tư Bưu Điện, địa chỉ tại 78 Tam Đảo, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

 *rale*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Khả năng hoạt động liên tục**

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2018 của Công ty, Đại hội cổ đông đã thông qua chủ trương sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Cokyvina, tuy nhiên theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc sáp nhập này vẫn đang trong giai đoạn triển khai thủ tục và chưa chắc chắn sẽ hoàn tất sáp nhập trong tối thiểu 12 tháng sắp tới kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập theo giả định hoạt động liên tục.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

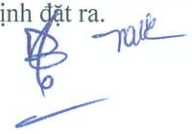
**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

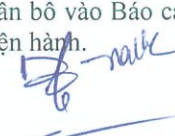
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động ủy thác, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm. Thời gian bảo hành từ 01 năm đến 12 năm. Công ty trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo tỷ lệ 5% giá bán trên hợp đồng mua bán hàng hóa.





### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	46.674.248	105.827.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.841.411.255	2.500.766.330
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.388.085.503</b>	<b>19.106.593.751</b>

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng của Công ty tại các Ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>36.728.546.200</b>	<b>5.736.601.468</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	508.336.375	1.025.009.125
Các đối tượng khác (i)	36.220.209.825	4.711.592.343
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>35.073.062.005</b>	<b>38.128.340.974</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn Thông	-	7.535.000
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng VNPT - Net (ii)	28.841.136.828	25.928.306.219
Các Viễn thông Tỉnh	6.231.925.177	12.192.499.755
<b>Cộng</b>	<b>71.801.608.205</b>	<b>43.864.942.442</b>

(i) Trong đó, số phải thu tương ứng với phần dịch vụ cung cấp đã ghi nhận doanh thu trong năm nhưng chưa có nghiệm thu, quyết toán là 11.945.296.233 VND.

(ii) Trong đó, số phải thu tương ứng với phần doanh thu đã có nghiệm thu, quyết toán của VNPT - Net là 16.524.159.113 VND và số phải thu tương ứng với phần doanh thu chỉ mới nghiệm thu từ Ban quản lý dự án và đang chờ nghiệm thu, quyết toán từ VNPT - Net là 12.316.977.715 VND.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	-	80.000
Bảo hiểm xã hội	-	21.608.462
Bảo hiểm y tế	6.201.935	1.480.055
Bảo hiểm thất nghiệp	-	80.000
Tạm ứng nhân viên	1.934.723.072	1.595.695.837
Ký cược, ký quỹ	9.008.759.000	6.008.000.000
Phải thu khác	418.429.664	838.035.775
<b>Cộng</b>	<b>11.368.113.671</b>	<b>8.464.980.129</b>

**8. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kiếng Liên Hưng	175.182.348	-	175.182.348	-
Công ty TNHH DV TM TTNT Đức Cường	144.250.517	-	144.250.517	-
<b>Cộng</b>	<b>319.432.865</b>	<b>-</b>	<b>319.432.865</b>	<b>-</b>

*Đã kiểm tra*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	3.090.534.412	-	2.496.631.820	-
Thành phẩm	29.882.388	30.911.556	30.911.556	30.911.556
Hàng hóa	1.009.721.284	159.834.916	637.317.736	159.834.916
<b>Cộng</b>	<b>4.130.138.084</b>	<b>190.746.472</b>	<b>3.164.861.112</b>	<b>190.746.472</b>

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2019 là chi phí tập hợp cho việc thực hiện các hợp đồng lưu kho, vận chuyển cho Tổng Công ty Hạ tầng Mạng VNPT – Net nhưng chưa quyết toán nghiệm thu hoàn thành.

Tại ngày 31/12/2018, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 190.746.472 VND (ngày 31/12/2017 là 190.746.472 VND). Những mặt hàng ứ đọng, kém phẩm chất này đã được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

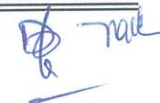
**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>223.073.250</b>	<b>1.595.771.740</b>
Chi phí lắp đặt, sửa chữa	223.073.250	-
Tiền truy thu thuế đất còn lại chờ phân bổ (i)	-	1.595.771.740
<b>b) Dài hạn</b>	<b>333.591.511</b>	<b>-</b>
Công cụ dụng cụ	34.208.178	-
Chi phí lắp đặt, sửa chữa	299.383.333	-
<b>Cộng</b>	<b>556.664.761</b>	<b>1.595.771.740</b>

- (i) Đây là khoản tiền thuế đất Công ty bị truy thu do áp dụng sai đơn giá cho thuê từ năm 2006 đến năm 2014 theo Thông báo từ Cơ quan thuế gồm thông báo số 13267/TB-CCT-TBTK ngày 22/10/2018 và thông báo số 13268/TB-CCT-TBTK ngày 22/10/2018 (thay thế Thông báo số 17608/TB-CCT-TBTK ngày 06/12/2017 và Thông báo số 15558/TB-CCT-TBTK ngày 22/12/2017). Tổng số tiền truy thu là 6.830.921.740 VND, trong đó, Công ty đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2017 và năm 2018 với cùng số tiền là 2.617.575.000 VND, số tiền còn lại đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 theo Tờ trình số 421 ngày 03/4/2017 của Tổng Giám đốc.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.305.440.887	3.179.659.384	2.461.466.103	2.023.634.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.614.974	1.241.108.177	442.589.216	1.043.133.935
Thuế thu nhập cá nhân	6.292.676	162.418.059	138.542.978	30.167.757
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.306.772.002	13.306.772.002	-
Thuế nhà thầu	-	19.021.922.347	19.021.922.347	-
<b>Cộng</b>	<b>1.556.348.537</b>	<b>36.911.879.969</b>	<b>35.371.292.646</b>	<b>3.096.935.860</b>



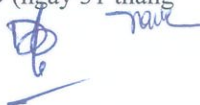
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	11.517.602.645	1.976.381.923	4.485.245.078	868.002.077	18.847.231.723
Tăng trong năm	2.688.997.200	-	345.183.000	-	3.034.180.200
Thanh lý, nhượng bán	(143.776.700)	(164.558.000)	-	(282.747.039)	(591.081.739)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.062.823.145</b>	<b>1.811.823.923</b>	<b>4.830.428.078</b>	<b>585.255.038</b>	<b>21.290.330.184</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	8.765.185.151	1.709.626.495	2.875.204.768	839.413.492	14.189.429.906
Khấu hao trong năm	1.066.209.252	122.437.680	492.344.317	11.349.996	1.692.341.245
Thanh lý, nhượng bán	(143.776.700)	(164.558.000)	-	(282.747.039)	(591.081.739)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.687.617.703</b>	<b>1.667.506.175</b>	<b>3.367.549.085</b>	<b>568.016.449</b>	<b>15.290.689.412</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.752.417.494	266.755.428	1.610.040.310	28.588.585	4.657.801.817
Tại ngày cuối năm	4.375.205.442	144.317.748	1.462.878.993	17.238.589	5.999.640.772

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giá trị là 10.004.620.969 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.191.990.708 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Cadico	1.078.000.000	-	1.078.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật (i)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Du Lịch Bưu Điện	980.000.000	-	980.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.058.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>3.058.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật lỗ liên tục qua các năm. Công ty thực hiện trích dự phòng 100% đối với các khoản đầu tư này.

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	197.840.432	197.840.432
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>197.840.432</b>	<b>197.840.432</b>

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công Nghiệp Kim Bình	4.665.829.850	4.665.829.850	5.755.629.000	5.755.629.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Phụ tùng Máy phát điện	19.713.650.000	19.713.650.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Minh Thư	11.179.022.589	11.179.022.589	-	-
Các đối tượng khác	5.772.672.570	5.772.672.570	9.661.382.080	9.661.382.080
<b>Cộng</b>	<b>41.331.175.009</b>	<b>41.331.175.009</b>	<b>15.417.011.080</b>	<b>15.417.011.080</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b>	<b>1.142.272.034</b>	<b>1.269.939.355</b>
Các Viễn thông Tỉnh	1.142.272.034	1.269.939.355
<b>b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>166.146.816</b>	<b>117.926.971</b>
Các đối tượng khác	166.146.816	117.926.971
<b>Cộng</b>	<b>1.308.418.850</b>	<b>1.387.866.326</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	5.026.120	33.000.000
Chi phí phải trả khác	864.734.594	287.550.803
Chi phí dự án vận chuyển chưa hoàn thành (i)	4.841.502.708	-
<b>Cộng</b>	<b>5.711.263.422</b>	<b>320.550.803</b>

(i) Phần trích chi phí liên quan đến các dự án thực hiện cho Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT – Net mà Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn trong năm nhưng chưa nghiệm thu khối lượng.

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.200.463.068</b>	<b>16.810.611.068</b>
Kinh phí công đoàn	1.660.296	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	266.105
Các khoản tiền thế chân	2.672.114.600	3.035.807.300
Phải trả về dự phòng bảo hành sản phẩm (*)	1.248.317.166	2.091.211.458
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.278.371.006	11.683.326.205
<b>Cộng phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>16.200.463.068</b>	<b>16.810.611.068</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phải trả về dự phòng bảo hành sản phẩm (*)	1.500.564.865	687.299.884
<b>Cộng phải trả dài hạn khác</b>	<b>1.500.564.865</b>	<b>687.299.884</b>

(\*) Dự phòng bảo hành sản phẩm có thời gian bảo hành từ 01 năm đến 12 năm. Công ty trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo tỷ lệ 5% giá bán trên hợp đồng mua bán hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	23.545.008.788	197.116.026	3.515.291.284	45.257.416.098
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.050.223.288	4.050.223.288
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(690.817.251)	(690.817.251)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.430.000.000)	(2.430.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>23.545.008.788</b>	<b>197.116.026</b>	<b>4.444.697.321</b>	<b>46.186.822.135</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.790.260.443	4.790.260.443
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(809.983.226)	(809.983.226)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.970.000.000)	(2.970.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>23.545.008.788</b>	<b>197.116.026</b>	<b>5.454.974.538</b>	<b>47.197.099.352</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 809.983.226 VND;
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 là 2.970.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền là 2.973.246.500 VND (Năm trước là 2.301.568.751 VND). Trong đó, số bằng tiền là 2.939.376.500 VND, số chi trả bằng cách cân trừ công nợ với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là 33.870.000 VND.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh		Vốn đã góp					
			Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND	%	Số cổ phần	VND	%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000	51%	918.000	9.180.000.000	51%
Cổ đông khác	882.000	8.820.000.000	882.000	8.820.000.000	49%	882.000	8.820.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.800.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>1.800.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.800.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>

 raik

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	5.424,82	5.444,62

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: mua bán hàng hóa, thiết bị viễn thông;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ: cho thuê tài sản cố định, kho, kios, giao nhận vận chuyển - ủy thác, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị, các dịch vụ khác.

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy Báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.



MINI  
U HA  
C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư cuối năm</b>				
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	11.785.662.741	76.767.569.719	-	88.553.232.460
Tài sản không phân bổ	-	-	30.585.652.277	30.585.652.277
<b>Tổng tài sản</b>	<b>11.785.662.741</b>	<b>76.767.569.719</b>	<b>30.585.652.277</b>	<b>119.138.884.737</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	3.896.685.792	43.530.695.884	-	47.427.381.676
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	24.514.403.709	24.514.403.709
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.896.685.792</b>	<b>43.530.695.884</b>	<b>24.514.403.709</b>	<b>71.941.785.385</b>
	Kinh doanh hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	49.630.676.322	72.786.653.042	-	122.417.329.364
Giá vốn bộ phận	48.339.807.278	50.219.222.476	-	98.559.029.754
Chi phí bán hàng	1.242.351.986	3.917.869.931	5.630.882.931	10.791.104.848
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	9.008.550.352	9.008.550.352
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>48.517.058</b>	<b>18.649.560.635</b>	<b>(14.639.433.283)</b>	<b>4.058.644.410</b>
Doanh thu tài chính	-	-	1.518.781.754	1.518.781.754
Chi phí tài chính	-	-	5.972.969	5.972.969
Lãi (lỗ) khác	-	-	457.942.698	457.942.698
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>48.517.058</b>	<b>18.649.560.635</b>	<b>(12.668.681.800)</b>	<b>6.029.395.893</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.239.135.450	1.239.135.450
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>48.517.058</b>	<b>18.649.560.635</b>	<b>(13.907.817.250)</b>	<b>4.790.260.443</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

	Kinh doanh hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm</b>				
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	19.552.969.201	37.714.632.443	-	57.267.601.644
Tài sản không phân bổ	-	-	27.218.507.442	27.218.507.442
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.552.969.201</b>	<b>37.714.632.443</b>	<b>27.218.507.442</b>	<b>84.486.109.086</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	10.816.282.103	11.000.853.787	-	21.817.135.890
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	16.482.151.061	16.482.151.061
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.816.282.103</b>	<b>11.000.853.787</b>	<b>16.482.151.061</b>	<b>38.299.286.951</b>
	Kinh doanh hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	32.209.593.733	65.502.809.783	-	97.712.403.516
Giá vốn bộ phận	31.644.152.201	45.651.197.246	-	77.295.349.447
Chi phí bán hàng	777.868.667	3.187.643.670	7.398.953.359	11.364.465.696
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	6.598.108.934	6.598.108.934
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(212.427.135)</b>	<b>16.663.968.867</b>	<b>(13.997.062.293)</b>	<b>2.454.479.439</b>
Doanh thu tài chính	-	-	1.919.360.482	1.919.360.482
Chi phí tài chính	-	-	(980.000.000)	(980.000.000)
Lãi (lỗ) khác	-	-	(171.960.491)	(171.960.491)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(212.427.135)</b>	<b>16.663.968.867</b>	<b>(11.269.662.302)</b>	<b>5.181.879.430</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.131.656.142	1.131.656.142
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>(212.427.135)</b>	<b>16.663.968.867</b>	<b>(12.401.318.444)</b>	<b>4.050.223.288</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**22. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>89.888.105.037</b>	<b>51.917.491.016</b>
Doanh thu bán hàng hóa	30.833.179.648	19.512.138.040
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.054.925.389	32.405.352.976
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>32.529.224.327</b>	<b>45.794.912.500</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Chi nhánh miền Nam	395.930.600	343.206.500
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng VNPT - Net	9.933.229.800	32.103.235.493
Các Viễn thông Tỉnh	22.200.063.927	13.348.470.507
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>122.417.329.364</b>	<b>97.712.403.516</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	48.339.807.278	31.644.152.201
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.219.222.476	45.651.197.246
<b>Cộng</b>	<b>98.559.029.754</b>	<b>77.295.349.447</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.740.230.449	25.252.352.478
Chi phí nhân công	7.503.730.630	6.205.947.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.692.341.245	1.454.641.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.180.015.208	23.527.487.539
Chi phí khác	9.049.118.584	7.543.046.457
<b>Cộng</b>	<b>119.165.436.116</b>	<b>63.983.475.214</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.370.973.754	1.380.271.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	147.808.000	235.898.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.709.057
Lãi chuyển nhượng chứng khoán	-	300.482.350
<b>Cộng</b>	<b>1.518.781.754</b>	<b>1.919.360.482</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

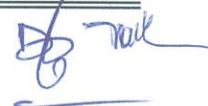
**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.513.190.841	4.157.958.346
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.993.417	25.185.631
Chi phí khấu hao	1.249.918.836	971.839.092
Chi phí bảo hành	-	(15.268.173)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.287.265.505	2.822.356.790
Chi phí bằng tiền khác	4.727.736.249	3.402.394.010
<b>Cộng</b>	<b><u>10.791.104.848</u></b>	<b><u>11.364.465.696</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	3.657.329.788	1.805.776.865
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	87.325.009	36.820.579
Chi phí khấu hao	442.422.409	482.802.432
Chi phí tiền thuê đất (i)	1.595.771.740	2.617.575.000
Thuế, phí và lệ phí	29.854.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.254.447	665.267.120
Chi phí bằng tiền khác	2.701.592.959	989.866.938
<b>Cộng</b>	<b><u>9.008.550.352</u></b>	<b><u>6.598.108.934</u></b>

- (i) Đây là khoản tiền thuê đất truy thu từ các năm trước cho các khu đất tại địa chỉ 270 đường Lý Thường Kiệt, Phường 14, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 10).

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập từ xử lý công nợ	311.912.577	-
Thanh lý tài sản	-	150.390.910
Thu nhập khác	192.208.763	-
<b>Cộng</b>	<b><u>504.121.340</u></b>	<b><u>150.390.910</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.029.395.893</b>	<b>5.181.879.430</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>166.281.359</b>	<b>(503.598.718)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(147.808.000)	(1.215.898.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	308.116.390	712.299.282
Cộng: Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.972.969	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.195.677.252</b>	<b>4.678.280.712</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.239.135.450</b>	<b>935.656.142</b>
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	196.000.000

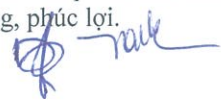
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.790.260.443	4.050.223.288
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(809.983.226)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>4.790.260.443</b>	<b>3.240.240.062</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.661</b>	<b>1.800</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 6 năm 2019 thì số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 809.983.226 VND, do vậy, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do năm trước chưa có cơ sở tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.388.085.503	19.106.593.751
Vốn chủ sở hữu	47.197.099.352	46.186.822.135
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.388.085.503	19.106.593.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.909.364.004	44.383.545.352
Đầu tư tài chính dài hạn	2.058.000.000	2.058.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.355.449.507</b>	<b>65.548.139.103</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	56.281.660.615	30.136.144.585
Chi phí phải trả	5.711.263.422	320.550.803
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.992.924.037</b>	<b>30.456.695.388</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

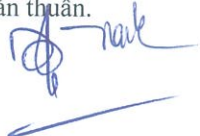
***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.388.085.503	-	13.388.085.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.909.364.004	-	80.909.364.004
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.058.000.000	2.058.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.297.449.507</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>96.355.449.507</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	56.281.660.615	-	56.281.660.615
Chi phí phải trả	5.711.263.422	-	5.711.263.422
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.992.924.037</b>	<b>-</b>	<b>61.992.924.037</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>32.304.525.470</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>34.362.525.470</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.106.593.751	-	19.106.593.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.383.545.352	-	44.383.545.352
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.058.000.000	2.058.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.490.139.103</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>65.548.139.103</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.136.144.585	-	30.136.144.585
Chi phí phải trả	320.550.803	-	320.550.803
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.456.695.388</b>	<b>-</b>	<b>30.456.695.388</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>33.033.443.715</b>	<b>2.058.000.000</b>	<b>35.091.443.715</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Công ty mẹ

Các đơn vị viễn thông cùng tập đoàn gồm:

Cùng tập đoàn

*Viễn thông Đồng Tháp*

*Viễn thông Lâm Đồng*

*Viễn thông Gia Lai*

*Viễn thông An Giang*

*Viễn thông Long An*

*Viễn thông Quảng Trị*

*Viễn thông Tây Ninh*

*Viễn thông Cần Thơ - Hậu Giang*

*Viễn thông Vĩnh Long*

*Viễn thông Đak Nông*

*Viễn thông Đak Lak*

*Viễn thông Đồng Nai*

*Viễn thông Quảng Nam*

*Viễn thông Bình Dương*

*Viễn thông Trà Vinh*

*Viễn thông Kiên Giang*

*Viễn thông Ninh Thuận*

*Viễn thông Bình Thuận*

*Viễn thông Bắc Ninh*

*Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu*

*Viễn thông Hải Phòng*

*Viễn thông Phú thọ*

*Viễn thông Quảng Ninh*

*Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - CN miền Nam*

*Tổng Công ty Hạ tầng Mạng VNPT - Net*

*Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn Thông*

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc



Quản lý chủ chốt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Các số dư chủ yếu và các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại Thuyết minh số 6, 16, 19 và 22.*

*Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng thu nhập	VND	VND
Cộng	1.024.679.889	1.229.626.916
	<u>1.024.679.889</u>	<u>1.229.626.916</u>



Đoàn Minh Đôn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 02 năm 2020

Huỳnh Ngọc Thu  
Kế toán trưởng / Người lập biểu



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Hải Phòng**

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,  
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

6<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Hai Phong Office**

4<sup>th</sup> Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,  
Ngo Quyen District, Hai Phong City  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn